TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 5 - 2023
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đổi;

2. Ông Nguyễn Chí Lin.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hảo - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2023/QĐXX-ST ngày 04/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2023/QĐST- HNGĐ ngày 17/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tr, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An;

Tạm trú: Ấp B, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Tr trình bày:

Bà Tr và ông Nguyễn Trọng T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 31/3/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, vợ chồng không thể hàn gắn nên ông khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Qúa trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thảo V, sinh ngày 11/3/2004 và Nguyễn Trần Phương Th, sinh ngày

09/12/2007. Cháu V đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Tr trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Bà Tr trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/4/2023, bị đơn ông Nguyễn Trọng T trình bày:

Ông không đồng ý ly hôn với bà Tr.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thảo V, sinh ngày 11/3/2004 và Nguyễn Trần Phương Th, sinh ngày 09/12/2007.

Về tài sản chung: Ông bà có tài sản chung là số tiền 1.700.000.000 đồng, bà Tr đang quản lý.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Tr nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Trọng T có địa chỉ cư trú tại xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Tr xin xét xử vắng mặt, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr và ông T.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 31/3/2003 tại Uỷ ban nhân dân xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ phần trình bày của bà Tr về mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn, hiện không còn sống chung, không quan tâm lo lắng cho nhau, bà Tr vẫn giữ yêu cầu ly hôn, ông T không đồng ý nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tr.

Về con chung: Qúa trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thảo V, sinh ngày 11/3/2004 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Cháu Nguyễn Trần Phương Th, sinh ngày 09/12/2007 đang sống cùng bà Tr và có có nguyện vọng tiếp tục sống cùng mẹ. Ông T không tranh

chấp về việc nuôi dưỡng cháu Thùy nên căn cứ vào điều kiện của các bên; quyền lợi về mọi mặt và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Nguyễn Trần Phương Th cho bà Tr nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Tr xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T trình bày tài sản chung của ông bà là 1.700.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có yêu cầu về chia tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trường hợp sau này, các đương sự có phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản chung, nợ chung được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ Tr,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Tr đối với ông Nguyễn Trọng T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tr được ly hôn với ông Nguyễn Trọng T.

Về con chung: Bà Trần Thị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Phương Th, sinh ngày 09/12/2007.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Trọng T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Tr không yêu cầu.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Tr phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008061 ngày 23/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà Tr đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Tr và ông Nguyễn Trọng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đươc bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Uỷ ban nhân dân xã Đ1, huyện Đ (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Tho